

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HỒNG DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 55/2022/HNGĐ - ST

Ngày: 02/6/2022.

“V/v tranh chấp xin ly hôn và nuôi con”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HỒNG DÂN

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Đẹp

- Các Hội thẩm nhân dân 1/ Ông Lê Văn Thuyền

2/ Bà Ngô Hồng Xuân

- Thư ký phiên tòa: Bà Thái Kim Phương – Thư ký Toà án nhân dân huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân huyện Hồng Dân tham gia phiên tòa: Ông Dương Minh Kha - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 06 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Hồng Dân mở phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số: 109/2022/TLST–HNGĐ, ngày 25 tháng 03 năm 2022 về việc tranh chấp xin ly hôn và nuôi con theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 44/2022/QĐXXST–HNGĐ, ngày 29 tháng 04 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Lê P**, sinh năm 1984

Địa chỉ: ấp N, xã NH, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu

2. Bị đơn: Anh **Bùi Văn T**, sinh năm 1979

Địa chỉ: ấp N, xã NH, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu.

(Chị Nguyễn Lê P vắng mặt có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Bùi Văn T vắng mặt không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 25/03/2022 và tại bản tự khai ngày 28/03/2022 nguyên đơn chị Nguyễn Lê P trình bày:

Về hôn nhân: Vào năm 2005, chị P và anh T có tổ chức đám cưới với nhau trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng không có tiến hành đăng ký kết hôn. Thời gian đầu vợ chồng anh chị chung sống với nhau hạnh phúc nhưng

được một thời gian thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và hiện tại hai vợ chồng đã sống ly thân với nhau 01 năm nay. Nay xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị P yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị P xác định trong quá trình chung sống giữa chị và anh T có 02 người con chung là cháu Bùi Bích Trâm, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Bùi Trần Hiệp, sinh ngày 11/01/2008. Hiện tại cháu Bùi Bích Trâm, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Bùi Trần Hiệp, sinh ngày 11/01/2008 đang sống chung với anh T. Nay chị P đồng ý giao cháu Bùi Bích Trâm, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Bùi Trần Hiệp, sinh ngày 11/01/2008 cho anh T nuôi dưỡng và chị P không phải cấp dưỡng cho con.

Về tài sản chung: Chị P xác định giữa chị P và anh T không có tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngoài ra, chị P không có yêu cầu gì khác.

Đối với bị đơn anh Bùi Văn T: Tòa án có tiến hành giao thông báo thụ lý và tiến hành lấy lời khai đối với anh Bùi Văn T nhưng anh T không có mặt ở địa phương nên không thể tiến hành giao thông báo thụ lý và không thể tiến hành lấy lời khai đối với anh T. Bên cạnh đó, Tòa án có tiến hành niêm yết các thủ tục theo quy định pháp luật do anh T không có mặt ở địa phương. Chính quyền địa phương cũng xác định, anh T vẫn còn đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp N, xã NH, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu và hiện tại không có ở địa phương nhưng lâu lâu anh T có về địa phương một lần.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định pháp luật.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Từ khi tham gia tố tụng cho đến nay, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ.

- Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Lê P và anh Bùi Văn T là vợ chồng;

2. Về quan hệ con chung: Tiếp tục giao cháu Bùi Bích Trâm, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Bùi Trần Hiệp, sinh ngày 11/01/2008 cho anh Bùi Văn T nuôi dưỡng. Chị Nguyễn Lê P không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị được quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3. Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Lê P không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Ngoài ra, đương sự còn phải chịu tiền án phí sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về quan hệ pháp luật: Chị Nguyễn Lê P khởi kiện yêu cầu được ly hôn với anh Bùi Văn T và yêu cầu giải quyết về con chung nên căn cứ khoản 7 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án thụ lý giải quyết vụ án về “Tranh chấp xin ly hôn và nuôi con” là đúng quy định.

[2] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn anh Bùi Văn T có nơi đăng ký thường trú tại ấp N, xã NH, huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nên căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân huyện Hồng Dân thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

[3] Nguyên đơn chị Nguyễn Lê P tuy rằng vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn yêu cầu được xét xử vắng mặt. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với chị P. Bị đơn anh Bùi Văn T vắng mặt lần thứ hai tại phiên tòa mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ điểm b, khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt đối với anh Bùi Văn T.

Về nội dung:

[4] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Lê P yêu cầu xin ly hôn với anh Bùi Văn T, Hội đồng xét xử xét thấy: chị P thừa nhận vào năm 2005, chị P có tổ chức đám cưới với anh Bùi Văn T trên tinh thần tự nguyện, không ai ép buộc nhưng đến nay anh, chị chưa tiến hành đăng ký kết hôn. Nay chị P xin ly hôn với anh Bùi Văn T. Tuy nhiên, theo Khoản 1 Điều 14 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật này mà chung sống với nhau như vợ chồng mà không*

đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng”. Do đó, Hội đồng xét xử không công nhận chị Nguyễn Lê P và anh Bùi Văn T là vợ chồng.

[5] Về quan hệ con chung: Quá trình chung sống chị P xác định giữa chị P và anh T có 02 người con chung là cháu Bùi Bích Trâm, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Bùi Trần Hiệp, sinh ngày 11/01/2008. Hiện tại cháu Bùi Bích Trâm, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Bùi Trần Hiệp, sinh ngày 11/01/2008 đang sống chung với anh T. Chị P xác định chị đồng ý giao cháu Bùi Bích Trâm, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Bùi Trần Hiệp, sinh ngày 11/01/2008 cho anh T nuôi dưỡng và chị P không phải cấp dưỡng cho con. Hội đồng xét xử xét thấy, cháu Bùi Bích Trâm và cháu Bùi Trần Hiệp hiện đang sống ổn định với anh T, các cháu đã có môi trường và cuộc sống ổn định. Vì vậy, Hội đồng xét xử tiếp tục giao cháu Bùi Bích Trâm, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Bùi Trần Hiệp, sinh ngày 11/01/2008 cho anh T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản.

[6] Về quan hệ tài sản: Chị Nguyễn Lê P xác định giữa chị và anh Bùi Văn T không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì chị Nguyễn Lê P phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng.

Về ý kiến phát biểu việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên: Hội đồng xét xử xét thấy việc đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ và được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng Điều 9, Điều 14, Điều 15, Điều 53, Điều 56, Điều 81, Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Lê P và anh Bùi Văn T là vợ chồng;

2/ Về con chung: Tiếp tục giao cháu Bùi Bích Trâm, sinh ngày 16/5/2006 và cháu Bùi Trần Hiệp, sinh ngày 11/01/2008 cho anh Bùi Văn T nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Chị P không phải cấp dưỡng nuôi cháu Bùi Bích Trâm, và cháu Bùi Trần Hiệp nhưng chị được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản;

3/ Về tài sản chung: Chị Nguyễn Lê P không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên không đặt ra xem xét giải quyết.

4/ Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Nguyễn Lê P phải nộp số tiền là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng chị P đã dự nộp số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0006219 ngày 25/03/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hồng Dân, tỉnh Bạc Liêu nay chuyển thu toàn bộ số tiền trên thành án phí.

Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ. Viện Kiểm sát nhân dân cùng cấp và cấp trên được quyền kháng nghị bản án này theo quy định pháp luật./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Hồng Dân;
- Chi cục THADS huyện Hồng Dân;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Lê Văn Đẹp